PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 191/2013/TTLT-BTC-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2013*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với kinh phí Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Thực hiện Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với kinh phí Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với kinh phí Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức khoa học, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện đề tài, mô hình, chương trình đào tạo, tập huấn và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nông thôn thôn mới thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách Trung ương.

a) Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học có ảnh hưởng tới phạm vi toàn quốc và các vùng kinh tế nông nghiệp theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 27/QĐ-TTg);

b) Hỗ trợ xây dựng một số dự án mô hình trình diễn nông thôn mới có tính chất vùng, miền về nông thôn mới trên cơ sở áp dụng các thành tựu, giải pháp khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg để từ đó tổ chức nhân rộng trên phạm vi cả nước;

c) Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ nhằm nâng cao năng lực nắm bắt, ứng dụng khoa học và công nghệ cho các đối tượng có liên quan đến việc xây dựng nông thôn mới (đặc biệt là cán bộ chuyển giao công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới) đến cấp tỉnh;

d) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nông thôn mới phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới (không trùng lặp với các nội dung đã được đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới) theo quy định tại khoản 6 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg.

2. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách địa phương, nguồn tài trợ quốc tế, của các doanh nghiệp, các tổ chức hợp tác nông nghiệp và các nguồn vốn hợp tác khác.

a) Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ nhu cầu của địa phương theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg;

b) Hỗ trợ xây dựng một số dự án mô hình trình diễn về nông thôn mới trên cơ sở áp dụng các thành tựu, giải pháp khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg để từ đó tổ chức nhân rộng trên phạm vi địa phương;

c) Triển khai nhân rộng mô hình trình diễn về nông thôn mới trên cơ sở kết quả mô hình nông thôn mới do ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện trên địa bàn địa phương;

d) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nông thôn mới tại địa phương;

đ) Tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực nắm bắt, ứng dụng khoa học và công nghệ cho các đối tượng có liên quan đến việc xây dựng nông thôn mới (đặc biệt là đội ngũ cán bộ chuyển giao công nghệ địa phương, nông dân và doanh nghiệp).

Điều 3. Điều kiện thực hiện đề tài, mô hình của Chương trình

1. Đối tượng và điều kiện thực hiện đề tài

a) Đối tượng: Các đề tài nghiên cứu khoa học theo nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Mục II, Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg;

b) Điều kiện thực hiện đề tài:

- Có địa chỉ tiếp nhận sản phẩm của đề tài (bao gồm cả đề tài cơ chế, chính sách);

- Đăng ký công bố bài báo trên Tạp chí Khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành, hoặc Tạp chí Khoa học công nghệ nước ngoài (đối với đề tài do ngân sách Trung ương hỗ trợ); Đăng ký công bố bài báo trên Tạp chí khoa học và công nghệ của Bộ, ngành; hoặc Tạp chí Khoa học công nghệ nước ngoài; hoặc Tạp chí khoa học thuộc địa phương quản lý (đối với đề tài do Ngân sách địa phương hỗ trợ).

2. Đối tượng và điều kiện thực hiện dự án mô hình:

a) Đối tượng: Các mô hình triển khai nội dung quy định tại khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định số 27/QĐ-TTg;

b) Điều kiện đơn vị thực hiện mô hình:

- Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thuộc dự án mô hình cần triển khai theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với các dự án do ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí); UBND cấp tỉnh (đối với các dự án do ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí);

- Cam kết đầu tư vốn cho dự án mô hình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật mô hình theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với các dự án do ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí); UBND cấp tỉnh (đối với các dự án do ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí).

Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tiến độ và tương ứng với tỷ lệ đầu tư thực tế của chủ dự án mô hình.

Điều 4. Nội dung và mức chi đề tài nghiên cứu khoa học

Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT- BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-KHCN ngày 04/10/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 5. Nội dung, mức hỗ trợ triển khai mô hình

1. Hỗ trợ thực hiện dự án mô hình tổ chức xã hội nông thôn mới; dự án mô hình thí điểm áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù trong đầu tư xây dựng và quản lý cơ sở hạ tầng nông thôn mới: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện dự án mô hình theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

2. Hỗ trợ thực hiện dự án mô hình quy hoạch, kiến trúc nông thôn mới; dự án mô hình ứng dụng công nghệ năng lượng tái tạo để xây dựng nông thôn mới; dự án mô hình quản lý môi trường nông thôn mới; dự án mô hình nông nghiệp xanh.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 70% kinh phí thực hiện dự án mô hình theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành (không bao gồm nhà xưởng), phần kinh phí còn lại sẽ do các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác hỗ trợ, người hưởng lợi từ mô hình đóng góp.

3. Hỗ trợ thực hiện dự án mô hình bảo quản, chế biến nông sản và tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa; dự án mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiêu kết hợp với các biện pháp canh tác nông nghiệp giảm phát thải khí mê tan và hiệu ứng nhà kính; dự án mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp với cơ giới hóa nông nghiệp: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện dự án mô hình theo phân cấp hiện hành (không bao gồm nhà xưởng), phần kinh phí còn lại sẽ do các tổ chức, người hưởng lợi từ thực hiện dự án mô hình đóng góp.

4. Quy mô dự án mô hình, định mức kinh tế kỹ thuật, nội dung hỗ trợ của từng loại dự án mô hình quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với các mô hình do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện); UBND cấp tỉnh (đối với các dự án mô hình do UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện).

5. Chi quản lý dự án mô hình: đơn vị triển khai thực hiện mô hình được chi không quá 3% dự toán (phần ngân sách hỗ trợ) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện mô hình.

Điều 6. Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn

1. Chi biên soạn và in tài liệu mẫu phục vụ đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ chuyển giao công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới: áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

2. Chi đào tạo, tập huấn:

a) Đối tượng: cán bộ chuyển giao công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; nông dân và doanh nghiệp;

b) Nội dung chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn: chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp lớp học; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật; chi cho học viên: hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác: khai giảng, bế giảng, tiền y tế cho lớp học;

c) Mức hỗ trợ:

- Đối với người đi học: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 25.000 đồng/ngày/ngày thực học cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; hỗ trợ tiền thuê chỗ ở cho học viên (nếu có);

- Đối với giảng viên: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 07/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020";

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên thực hành thao tác kỹ thuật của từng loại hình lớp học cho phù hợp với việc đào tạo cán bộ chuyển giao công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh;

UBND cấp tỉnh quy định thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên thực hành thao tác kỹ thuật của từng loại hình lớp học cho phù hợp với việc đào tạo cán bộ chuyển giao công nghệ, nông dân và doanh nghiệp.

Điều 7. Chi hoạt động chung của Chương trình

1. Chi phục vụ công tác quản lý:

a) Nội dung chi:

- Chi hội nghị, hội thảo khoa học, sơ kết, tổng kết chương trình;

- Chi thù lao trách nhiệm đối với các thành viên Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm chương trình;

- Chi trả tiền lương, tiền công cho cán bộ Văn phòng;

- Chi mua thiết bị phục vụ trực tiếp cho Văn phòng;

- Chi văn phòng phẩm, điện nước, điện thoại của Văn phòng;

- Chi xét duyệt, kiểm tra, đánh giá nhiệm thu đề tài, mô hình;

- Chi khác (nếu có).

b) Mức chi thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với cơ quan hành chính (trừ mức thù lao trách nhiệm đối với thành viên Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm Chương trình).

2. Chi thù lao trách nhiệm đối với thành viên Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm Chương trình:

- Trưởng Ban chỉ đạo: 500.000 đồng/tháng;

- Chủ nhiệm chương trình: 500.000 đồng/tháng;

- Thành viên Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Chánh Văn phòng, kế toán trưởng văn phòng: 400.000 đồng/tháng.

- Trưởng, phó trưởng tiểu ban; Phó chánh Văn phòng; Thư ký khoa học: 300.000 đồng/tháng.

Điều 8. Lập, chấp hành và quyết toán

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp thuộc Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

Riêng đối với nhiệm vụ thực hiện từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương, Thông tư hướng dẫn cụ thể một số nội dung sau:

1. Phân bổ và giao dự toán kinh phí chương trình được thực hiện như sau: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; căn cứ kết quả xét chọn, hoặc đấu thầu đề tài, dự án mô hình thuộc Chương trình; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập phương án phân bổ kinh phí chương trình cho các đơn vị trực thuộc được xét chọn hoặc trúng thầu các đề tài, mô hình.

Đối với các đơn vị không trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xét chọn hoặc trúng tuyển các đề tài, dự án mô hình, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí cho Văn phòng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 để ký hợp đồng thực hiện.

Phương án phân bổ chi tiết theo đề tài, dự án mô hình; gửi Bộ Tài chính thẩm định theo quy định.

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính về phương án phân bổ dự toán, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí đề tài, mô hình cho các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ (gồm các đơn vị được xét chọn hoặc trúng thầu các đề tài, mô hình; Văn phòng Chương trình để hợp đồng với các đơn vị không thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); đồng gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch, chi tiết theo đề tài, dự án mô hình.

2. Quyết toán:

- Đối với đề tài, dự án mô hình do các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện: hàng năm tổ chức chủ trì đề tài, dự án mô hình có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán kinh phí đã sử dụng tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành trong năm để đưa vào quyết toán năm của tổ chức chủ trì.

Sau khi kết thúc thực hiện đề tài, nhiệm vụ, chủ nhiệm đề tài, dự án mô hình có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán nhiệm vụ đồng thời với báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài, kết quả thực hiện dự án mô hình.

Căn cứ biên bản nghiệm thu của Hội đồng khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; công bố kết quả trên Tạp chí Khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành, hoặc Tạp chí Khoa học công nghệ nước ngoài; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm duyệt quyết toán của đề tài, dự án mô hình.

- Đối với đề tài, dự án mô hình do Văn phòng Chương trình ký hợp đồng:

Hàng năm trên cơ sở số kinh phí được cấp trong năm và khối lượng công việc thực hiện trong năm, các cơ quan chủ trì đề tài, dự án mô hình có trách nhiệm báo cáo quyết toán với Văn phòng Chương trình đồng thời với báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài, kết quả thực hiện mô hình. Trên cơ sở số liệu thanh toán tạm ứng của các đề tài, dự án với Kho bạc nhà nước, Văn phòng Chương trình có trách nhiệm tổng hợp quyết toán báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xét duyệt quyết toán của Văn phòng Chương trình;

Sau khi kết thúc thực hiện đề tài, nhiệm vụ, chủ nhiệm đề tài, dự án mô hình có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán nhiệm vụ đồng thời với báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài, kết quả thực hiện mô hình;

Căn cứ biên bản nghiệm thu của Hội đồng khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; công bố kết quả trên Tạp chí Khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành hoặc Tạp chí Khoa học công nghệ nước ngoài; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phê duyệt quyết toán của đề tài, dự án mô hình.

Điều 9. Công tác kiểm tra, báo cáo

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện đề tài, dự án mô hình thuộc Chương trình từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương; bảo đảm quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình đúng mục tiêu của Chương trình. Giám sát việc bố trí kinh phí ngân sách Nhà nước phù hợp với tỷ lệ đầu tư của chủ dự án mô hình theo quy định tại Thông tư này.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

3. UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép nội dung nhiệm vụ của Chương trình với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn.

UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan trực thuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện đề tài, dự án mô hình thuộc Chương trình từ nguồn kinh phí ngân sách địa phương; bảo đảm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục tiêu của Chương trình. Giám sát việc bố trí kinh phí ngân sách Nhà nước phù hợp với tỷ lệ đầu tư của chủ dự án mô hình theo quy định tại Thông tư này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

2. Khi các quy định tại Quyết định, Thông tư được trích dẫn tại Thông tư này sửa đổi, bổ sung hay thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Lê Quốc Doanh	**Nguyễn Thị Minh**